

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHÚ HIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 19 /QĐ-UBND

Phú Hiệp, ngày 03 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán thu, chi
ngân sách nhà nước năm 2023 của xã Phú Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ HIỆP

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của HĐND xã Phú Hiệp về phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Phú Hiệp;

Căn cứ Quyết định số 7742/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Phú Tân về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho ngân sách các xã, thị trấn trực thuộc huyện;

Xét đề nghị công chức Tài chính – Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 của xã Phú Hiệp. (Chi tiết các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức văn phòng – thống kê, công chức Tài chính - kế toán, các cơ quan, đơn vị, ban, ngành và tổ công khai chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiện

Handwritten text in the top right corner, possibly a date or reference number.



Đơn vị: Xã Phú Hiệp

Chương: 800

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND Xã Phú Hiệp)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	6.559.000
I	Số thu phí, lệ phí	470.170
1	Lệ phí trước bạ nhà, đất	80.000
2	Thu phí, lệ phí	20.000
2.1	Phí môn bài	0
2.2	Phí khác	20.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	170
4	Các khoản thu tại xã	70.000
4.1	Thu phạt vi phạm hành chính	50.000
4.2	Thu phạt ATGT	20.000
5	Thu đồ	300.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí ...	
IV	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	6.088.830
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.559.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.430.500
1	Chi quản lý hành chính	5.039.967
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.760.270
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.279.697
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	74.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	74.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
5	Chi bảo đảm xã hội	44.000
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	44.000
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	65.341
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	65.341
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	39.000
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	39.000
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	22.000
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22.000
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	25.000
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25.000
11	Chi An ninh	329.750
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	329.750
12	Chi Quốc phòng	791.442
12.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
12.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	791.442
13	Chi khác	0
13.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
13.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
II	Dự phòng	128.500

Đơn vị: Xã Phú Hiệp

Chương: 800

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 19 /QĐ-UBND ngày 03/ 01/2023 của UBND Xã Phú Hiệp)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

Đv tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.430.500
1	Chi quản lý hành chính	5.039.967
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.760.270
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.279.697
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	74.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	74.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	44.000
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	44.000
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	65.341
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	65.341
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	39.000
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	39.000
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	22.000
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22.000
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	25.000
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25.000

TT	Nội dung	Dự toán được giao
11	Chi An ninh	329.750
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	329.750
12	Chi Quốc phòng	791.442
12.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
12.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	791.442
13	Chi khác	0
13.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
13.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
II	Dự phòng	128.500
Tổng cộng:		6.559.000

Phú Hiệp, ngày 07 tháng 07 năm 2023

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai dự toán Thu, chi
ngân sách nhà nước năm 2023 xã Phú Hiệp**

Hôm nay, vào lúc 15 giờ 00 phút, ngày tháng năm 2023
Tại Văn phòng UBND xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Thành phần tham dự gồm :

- | | |
|---------------------------|--------------------------------|
| 1/ Ông Nguyễn Thái Nguyên | PCT. UBND xã |
| 2/ Bà Lương Thị Huyền | PCT-HĐND xã – CT. Công đoàn xã |
| 3/ Bà Lương Thị Cẩm Tú | Công chức TC- KT xã |
| 4/ Bà Nguyễn Thị Kim Ngân | Công chức TP- HT |
| 5/ Ông Nguyễn Quốc Huy | Công chức VP – KT |

Nội dung :

Thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định số 19 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2023 của UBND xã Phú Hiệp về việc công bố, công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 của xã Phú Hiệp.

Trong thời hạn niêm yết công khai 45 ngày kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2023 đến ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Biên bản kết thúc vào lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, có đọc lại cho cả các thành viên công khai cùng nghe, thống nhất với nội dung và ký tên

Phó chủ tịch UBND xã



Nguyễn Thái Nguyên

Cán bộ niêm yết

Lương Thị Cẩm Tú

Thành Phần Tham Dự

Chủ tịch công đoàn xã



Lương Thị Huyền

Công chức TP – HT

Nguyễn Thị Kim Ngân

Công chức VP-TK

Nguyễn Quốc Huy

